

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM  
HỒNG HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

| <b>Nội dung</b>  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>   | <b>2 - 4</b>   |
| <b>Báo cáo Kết quả Công tác soát xét</b>   | <b>5-6</b>     |
| <b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>  | <b>7- 33</b>   |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>  | <i>7 - 10</i>  |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> | <i>11</i>      |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>           | <i>12- 13</i>  |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>    | <i>14 - 33</i> |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công Ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 06 năm 2021 về thay đổi địa điểm kinh doanh.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 12: 171.671.440.000 VND*  
*Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021 là: 171.671.440.000 VND*

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ-Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 02462962699

Website : www.honghagroup.com.vn

Mã số thuế : 5 5 0 0 5 1 2 4 9 2

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán**

Theo nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCD/HSL của Đại hội đồng Cổ đông ký ngày 25 tháng 3 năm 2021 quyết định thông qua việc chuyển trụ sở chính của Công ty từ Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam về trụ sở chính mới tại Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngày 24 tháng 6 năm 2021, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 12 số 5500512492.

Theo nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCD/HSL của Đại hội đồng Cổ đông ký ngày 25 tháng 3 năm 2021 quyết định thông qua việc thành lập Chi nhánh Nhà máy sản xuất tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 5500512492-002 cấp ngày 29 tháng 6 năm 2021

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

***Hội đồng quản trị***

| <u>Họ và tên</u>          | <u>Chức vụ</u> |                                     |
|---------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Chủ tịch       | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021   |
| Ông Lê Văn Đức            | Chủ tịch       | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |
| Ông Lê Văn Đức            | Thành viên     |                                     |
| Ông Lê Anh Tuấn           | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021   |
| Ông Nguyễn Việt Linh      | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021   |
| Bà Nguyễn Thị Tường An    | Thành viên     |                                     |
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng      | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Tuấn Cường     | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |
| Ông Bùi Quý Ba            | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |

***Ban kiểm soát***

| <u>Họ và tên</u>   | <u>Chức vụ</u> |                                     |
|--------------------|----------------|-------------------------------------|
| Ông Dương Quân Anh | Trưởng Ban     |                                     |
| Bà Trần Ngọc Lan   | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021   |
| Ông Đặng Quốc Hưng | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021   |
| Bà Dương Quỳnh Hoa | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |
| Bà Lê Thị Nam      | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2021 |

***Ban Tổng Giám đốc***

| <u>Họ và tên</u>     | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng | Tổng Giám đốc  |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tuấn Dũng**



Số : 1905.04.01/BCTC-NVT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

GCNĐKHNKT số: 0053-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>41.628.486.063</b> | <b>32.418.089.794</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>7.298.208.853</b>  | <b>7.221.019.691</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 7.298.208.853         | 7.221.019.691         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>31.096.418.262</b> | <b>21.209.796.365</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 21.404.236.830        | 21.125.796.365        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 5.684.908.705         | 84.000.000            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4         | 4.007.272.727         | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                     |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>2.829.790.000</b>  | <b>3.895.213.866</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 2.829.790.000         | 3.895.213.866         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>404.068.948</b>    | <b>92.059.872</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 10.000.000            | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 394.068.948           | 92.059.872            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>168.726.416.783</b> | <b>169.129.779.195</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>7.604.615.391</b>   | <b>7.923.857.079</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.6         | 7.604.615.391          | 7.923.857.079          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 11.087.600.480         | 11.087.600.480         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (3.482.985.089)        | (3.163.743.401)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | V.7         | <b>158.000.000.000</b> | <b>158.000.000.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 53.000.000.000         | 53.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 105.000.000.000        | 105.000.000.000        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>3.121.801.392</b>   | <b>3.205.922.116</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8         | 3.121.801.392          | 3.205.922.116          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>210.354.902.846</b> | <b>201.547.868.989</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>18.627.041.554</b> | <b>12.110.382.547</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>18.627.041.554</b> | <b>12.110.382.547</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.9         | 3.112.769.000         | 4.156.737.683         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.10        | -                     | 121.911.800           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.11        | 160.913.431           | 66.558.070            |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | -                     | -                     |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.12        | 7.975.343             | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        |             | -                     | -                     |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.13        | 7.100.000.000         | -                     |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.14        | 8.245.383.780         | 7.765.174.994         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ(tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>191.727.861.292</b> | <b>189.437.486.442</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.15</b> | <b>191.727.861.292</b> | <b>189.437.486.442</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 171.671.440.000        | 171.671.440.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 171.671.440.000        | 171.671.440.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 4.122.691.890          | 3.882.587.497          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 15.933.729.402         | 13.883.458.945         |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 13.163.145.766         | 13.481.035.618         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 2.770.583.636          | 402.423.327            |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>210.354.902.846</b> | <b>201.547.868.989</b> |

Người lập biểu



Hoàng Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Kim Lan



Nguyễn Tuấn Dũng



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|--------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước          |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 54.410.864.960                    | 48.334.773.900     |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                                 | -                  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 54.410.864.960                    | 48.334.773.900     |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 50.541.746.243                    | 48.289.148.269     |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 3.869.118.717                     | 45.625.631         |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 70.072.645                        | 847.594.702        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 161.005.480                       | -                  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 161.005.480                       | -                  |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                                 | -                  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 780.135.207                       | 667.126.577        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 2.998.050.675                     | 226.093.756        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -                                 | 2.670              |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 28.910.608                        | 286.812            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (28.910.608)                      | (284.142)          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 2.969.140.067                     | 225.809.614        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.7        | 198.556.431                       | 45.161.923         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -                  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>2.770.583.636</u>              | <u>180.647.691</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | <u>-</u>                          | <u>-</u>           |

Người lập biểu

Hoàng Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Kim Lan

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-------------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |                   | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |                   |                                   |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01                | 2.969.140.067                     | 225.809.614            |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |                   |                                   |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02                | 319.241.688                       | 319.241.689            |
| - Các khoản dự phòng   | 03                | -                                 | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04                | -                                 | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05                | (70.072.645)                      | (847.594.702)          |
| - Chi phí lãi vay  | 06                | 161.005.480                       | -                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07                | -                                 | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08                | 3.379.314.590                     | (302.543.399)          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09                | (10.188.630.973)                  | 2.415.281.978          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10                | 1.065.423.866                     | 5.584.183.062          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11                | (1.165.380.483)                   | 66.766.375             |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12                | 74.120.724                        | 105.984.990            |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13                | -                                 | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14                | (153.030.137)                     | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15                | (104.701.070)                     | (399.444.314)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16                | -                                 | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17                | -                                 | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b>         | <b>(7.092.883.483)</b>            | <b>7.470.228.692</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |                   |                                   |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21                | -                                 | (15.000.000.000)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22                | -                                 | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23                | -                                 | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24                | -                                 | 24.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25                | -                                 | (15.000.000.000)       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26                | -                                 | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27                | 70.072.645                        | 876.765.716            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b>         | <b>70.072.645</b>                 | <b>(5.123.234.284)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-------------------|-----------------------------------|----------------------|
|  |                   | Năm nay                           | Năm trước            |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |                   |                                   |                      |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31                | -                                 | -                    |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32                | -                                 | -                    |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33                | 14.200.000.000                    | -                    |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34                | (7.100.000.000)                   | -                    |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35                | -                                 | -                    |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36                | -                                 | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b>         | <b>7.100.000.000</b>              | <b>-</b>             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>50</b>         | <b>77.189.162</b>                 | <b>2.346.994.408</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60 V.1</b>     | <b>7.221.019.691</b>              | <b>1.311.124.822</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61                | -                                 | -                    |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>70 V.1</b>     | <b>7.298.208.853</b>              | <b>3.658.119.230</b> |

Người lập biểu



Hoàng Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Kim Lan

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****6 Tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:  
- Bán buôn thức ăn và các loại hạt ngũ cốc khác;  
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:***Các Công ty con:*

| Tên công ty                         | Địa chỉ trụ sở chính                                      | Lĩnh vực kinh doanh                                     | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK |
|-------------------------------------|---|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu | Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La | Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp | 98,14%                | 98.14%                |

*Các công ty liên doanh, liên kết:*

| Tên công ty                            | Địa chỉ trụ sở chính  | Lĩnh vực kinh doanh  | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK |
|--|---|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lặc Xanh | Thôn Phú Thọ, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa                     | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu                                   | 45,4%                 | 45,4%                 |
| Công ty Cổ phần HongHa Pharma          | Tầng 2, số 141 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán lẻ thuốc và các dụng cụ y tế | 45%                   | 45%                   |
| Công ty Cổ phần nông sản Elmaco        | Quốc lộ 38B, xã Sơn Lai, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình                       | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống                  | 43,75%                | 43,75%                |

**Chi nhánh**

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính                                      | Lĩnh vực kinh doanh                                     |
|--|---|---|
| Chi nhánh Nhà máy Sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà | Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La | Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp |

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**

Số liệu trên BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoàn toàn so sánh được với số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 15 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 12 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty, Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc       | 20            |
| Máy móc và thiết bị         | 03 – 10       |

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng*

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### 13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### 14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 “Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.

#### 16. Công cụ tài chính

##### a. Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### b. Nợ phải trả tài chính

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt                        | 3.238.308.529               | 214.281.766                 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.059.900.324               | 7.006.737.925               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>7.298.208.853</u></b> | <b><u>7.221.019.691</u></b> |

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>         | <i>6.616.768.200</i>         | -                            |
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu       | 6.616.768.200                | -                            |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>       | <i>14.787.468.630</i>        | <i>21.125.796.365</i>        |
| Công ty Cổ phần HDC Hà Nội                | 2.742.618.630                | 211.624.070                  |
| Công ty TNHH MTV Nông Sản Lương Sơn       | -                            | 20.264.277.145               |
| Công ty Cổ phần tập đoàn Hanco Việt Nam   | -                            | 649.895.150                  |
| Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long | 12.044.850.000               | -                            |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>21.404.236.830</u></b> | <b><u>21.125.796.365</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>        |
|--|-----------------------------|--------------------------|
| Công ty Luật TNHH Tâm nhìn và Liên doanh | -                           | 40.000.000               |
| Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ               | 5.640.908.705               | -                        |
| Các nhà cung cấp khác                    | 44.000.000                  | 44.000.000               |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>5.684.908.705</u></b> | <b><u>84.000.000</u></b> |

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                  | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Phải thu tiền tạm ứng mua NVL    | 4.000.000.000               | -                 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 7.272.727                   | -                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>4.007.272.727</u></b> | <b><u>-</u></b>   |

**5. Hàng tồn kho**

|             | <u>Số cuối kỳ</u>           |                 | <u>Số đầu năm</u>           |                 |
|-------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
|             | <u>Giá trị</u>              | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>              | <u>Dự phòng</u> |
| Thành phẩm  | -                           | -               | 3.895.213.866               | -               |
| Hàng hóa    | 2.829.790.000               | -               | -                           | -               |
| <b>Cộng</b> | <b><u>2.829.790.000</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>3.895.213.866</u></b> | <b><u>-</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Tài sản cố định hữu hình**

|                        | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                   |                                |                       |
| Số đầu năm             | 9.994.000.480                     | 1.093.600.000                  | 11.087.600.480        |
| Số cuối kỳ             | <b>9.994.000.480</b>              | <b>1.093.600.000</b>           | <b>11.087.600.480</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                                   |                                |                       |
| Số đầu năm             | 2.506.392.042                     | 657.351.358                    | 3.163.743.401         |
| Khấu hao trong kỳ      | 249.850.026                       | 69.391.662                     | 319.241.688           |
| Số cuối kỳ             | <b>2.756.242.068</b>              | <b>726.743.020</b>             | <b>3.482.985.089</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                   |                                |                       |
| Số đầu năm             | 7.487.608.438                     | 436.248.642                    | 7.923.857.079         |
| Số cuối kỳ             | <b>7.237.758.412</b>              | <b>366.856.980</b>             | <b>7.604.615.391</b>  |

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>      |                 | <u>Số đầu năm</u>      |                 |
|--|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|  | <u>Giá gốc</u>         | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>         | <u>Dự phòng</u> |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                  | <b>53.000.000.000</b>  | -               | <b>53.000.000.000</b>  | -               |
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (1)        | 53.000.000.000         | -               | 53.000.000.000         | -               |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b> | <b>105.000.000.000</b> | -               | <b>105.000.000.000</b> | -               |
| Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh (2)     | 25.000.000.000         | -               | 25.000.000.000         | -               |
| Công ty Cổ phần Hong Ha Pharma(3)              | 45.000.000.000         | -               | 45.000.000.000         | -               |
| Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco (4)            | 35.000.000.000         | -               | 35.000.000.000         | -               |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>158.000.000.000</b> | -               | <b>158.000.000.000</b> | -               |

(1) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2020, tổng vốn góp là 53.000.000.000 VND chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đơn vị đã góp đủ 53.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Trong đó góp bằng tiền 35.535.000.000 VND, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 3.465.000.000 VND, góp bằng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà 14.000.000.000 VND. Theo nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu quyết định thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, do đó số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà tăng thêm 3.975.000 Cổ phần tăng từ 5.300.000 cổ phần lên 9.275.000 cổ phần chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty.

(2) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh theo nghị quyết số 08/2018/NQ- HĐQT/HSL ngày 15 tháng 8 năm 2018. Theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn là 25.000.000.000 đồng trong đó góp bằng tiền 11.058.000.000 VND, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 13.942.000.000 VND, chiếm 45,4% vốn điều lệ. Tính tới thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 Công ty đã góp đủ số vốn theo cam kết.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần HongHa Pharma theo nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT/HSL ngày 20 tháng 11 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn là 20.000.000.000 đồng bằng tiền.

Theo nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT/HSL ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng quản trị quyết định thông qua việc đầu tư thêm vốn góp tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma số tiền: 25.000.000.000 đồng trong đó góp 15.000.000.000 VND bằng tiền và 10.000.000.000 VND bằng công nợ phải thu về tiền cho vay, nâng tỷ lệ sở hữu công ty tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma từ 40% lên 90% vốn chủ sở hữu.

Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần HongHa Pharma (Căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 002/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Công ty Cổ phần HongHa Pharma về việc tăng vốn điều lệ công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc tăng vốn) thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu qua đó tăng vốn điều lệ của công ty từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND, tuy nhiên Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà không đăng ký mua số cổ phần tăng thêm này. Do đó, sau khi tăng vốn tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà giảm từ 90% xuống còn 45% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần HongHa Pharma.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109011426 ngày 11 tháng 8 năm 2020 về thay đổi vốn điều lệ của Công ty. Do đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần HongHa Pharma vẫn được trình bày tại khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

(4) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2020/NQ- HĐQT/HSL ngày 12 tháng 10 năm 2020. Theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn là 35.000.000.000 VNĐ chiếm 43,75% vốn điều lệ. Tính tới thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty đã góp đủ số vốn theo cam kết.

### 8. Chi phí trả trước dài hạn

|   | Số đầu năm           | Số phát sinh tăng | Số phân bổ trong kỳ  | Số cuối kỳ           |
|---|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Năng, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La(*) | 3.197.213.785        | -                 | (105.984.990)        | 3.091.228.795        |
| Công cụ dụng cụ   | -                    | 27.536.364        | (3.059.596)          | 24.476.768           |
| Chi phí trả trước dài hạn khác  | 8.708.331            | -                 | (2.612.502)          | 6.095.829            |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.205.922.116</b> | <b>27.536.364</b> | <b>(111.657.088)</b> | <b>3.121.801.392</b> |

(\*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Năng, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối kỳ           |                       | Số đầu năm           |                       |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ                               | -                    | -                     | 4.076.049.515        | 4.076.049.515         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản Xuất Trung Minh 1 | 3.112.769.000        | 3.112.769.000         | -                    | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                                    | -                    | -                     | 80.688.168           | 80.688.168            |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.112.769.000</b> | <b>3.112.769.000</b>  | <b>4.156.737.683</b> | <b>4.156.737.683</b>  |

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm        | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ         |
|----------------------------|-------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 66.558.070        | 198.556.431          | (104.701.070)           | 160.413.431        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                 | 1.000.000            | (500.000)               | 500.000            |
| Các loại thuế khác         | -                 | 3.000.000            | (3.000.000)             | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>66.558.070</b> | <b>202.556.431</b>   | <b>(108.201.070)</b>    | <b>160.913.431</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Đối với hoạt động bán nông sản qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT

Đối với các hoạt động khác: 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty đang được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                          | Số cuối kỳ       | Số đầu năm |
|--------------------------|------------------|------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 7.975.343        | -          |
| <b>Cộng</b>              | <b>7.975.343</b> | <b>-</b>   |

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | Số cuối kỳ | Số đầu năm         |
|--|------------|--------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b> | <b>-</b>   | <b>121.911.800</b> |
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu    | -          | 121.911.800        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>-</b>   | <b>121.911.800</b> |

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 18/2/2021. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VNĐ. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại nông sản. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ tổ dân phố Cáo Đình 3, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội số CV 479941, số vào sổ cấp GCN: CS-BTL19906 do Sở tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 08/09/2020 cho ông NGUYỄN VĂN BÌNH và Bà NGUYỄN THỊ LƯƠNG theo hợp đồng thế chấp số 61/2021/HĐTD/NHN/01 ngày 3/2/2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                       | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |          |
|-----------------------|-----------------------------------|----------|
|                       | Kỳ này                            | Kỳ trước |
| Số đầu năm            | -                                 | -        |
| Số tiền vay phát sinh | 14.200.000.000                    | -        |
| Số tiền vay đã trả    | (7.100.000.000)                   | -        |
| <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>7.100.000.000</b>              | -        |

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Số cuối kỳ           |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 3.882.587.497        | 240.104.393                    | 4.122.691.890        |
| Quỹ phúc lợi    | 3.882.587.497        | 240.104.393                    | 4.122.691.890        |
| <b>Cộng</b>     | <b>7.765.174.994</b> | <b>480.208.786</b>             | <b>8.245.383.780</b> |

**15. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước            | 157.499.560.000        | 2.940.332.357         | 30.479.681.038                    | 190.919.573.395        |
| Tăng vốn từ lợi nhuận       | 14.171.880.000         | -                     | (14.171.880.000)                  | -                      |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                      | -                     | 402.423.327                       | 402.423.327            |
| Trích lập các quỹ           | -                      | 942.255.140           | (2.826.765.420)                   | (1.884.510.280)        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>171.671.440.000</b> | <b>3.882.587.497</b>  | <b>13.883.458.945</b>             | <b>189.437.486.442</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 171.671.440.000        | 3.882.587.497         | 13.883.458.945                    | 189.437.486.442        |
| Lợi nhuận trong kỳ này      | -                      | -                     | 2.770.583.636                     | 2.770.583.636          |
| Trích lập các quỹ(*)        | -                      | 240.104.393           | (720.313.179)                     | (480.208.786)          |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>    | <b>171.671.440.000</b> | <b>4.122.691.890</b>  | <b>15.933.729.402</b>             | <b>191.727.861.292</b> |

(\*) Theo nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCD/HSL ngày 25 tháng 03 năm 2021 đã được thông qua, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng là 2%, quỹ phúc lợi là 2% và quỹ đầu tư phát triển là 2% trên lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020 và thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% vốn điều lệ sau khi hoàn thành việc phát hành tăng vốn điều lệ.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                      | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông Lê Văn Đức       | 27.250.000.000                | 27.250.000.000                |
| Ông Nguyễn Xuân Giáp | 17.031.250.000                | 17.031.250.000                |
| Các cổ đông khác     | 127.390.190.000               | 127.390.190.000               |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>171.671.440.000</u></b> | <b><u>171.671.440.000</u></b> |

**c) Cổ phiếu**

|  | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành          | 17.167.144        | 17.167.144        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng       | 17.167.144        | 17.167.144        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | 17.167.144        | 17.167.144        |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành              | 17.167.144        | 17.167.144        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | 17.167.144        | 17.167.144        |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. |                   |                   |

**16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

|               | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------|-------------------|----------------------|
| Đồng Đô la Mỹ | -                 | 229,67               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>-</u></b>   | <b><u>229,67</u></b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

|  | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                              |
|--|--|------------------------------|
|  | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Doanh thu bán hàng hóa                                 | 50.428.636.400                           | 38.785.508.510               |
| Doanh thu bán thành phẩm                               | 3.982.228.560                            | 9.549.265.390                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>54.410.864.960</u></b>             | <b><u>48.334.773.900</u></b> |
| Trong đó doanh thu bán hàng cho bên liên quan như sau: |  |                              |
|  | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu                    | 9.288.680.000                            | 8.068.862.400                |

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                              |
|--|--|------------------------------|
|  | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                  | 46.212.337.280                           | 38.640.928.447               |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán                | 3.895.213.866                            | 9.472.432.110                |
| Chi phí thời gian ngưng sản xuất theo mùa vụ | 434.195.097                              | 175.787.712                  |
| <b>Cộng</b>                                  | <b><u>50.541.746.243</u></b>             | <b><u>48.289.148.269</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|              | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                           |
|--------------|--|---------------------------|
|              | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>          |
| Lãi tiền gửi | 70.072.645                               | 847.594.702               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>70.072.645</u></b>                 | <b><u>847.594.702</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

|                 | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| Chi phí lãi vay | 161.005.480                              | -                |
| <b>Cộng</b>     | <b>161.005.480</b>                       | <b>-</b>         |

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                    |
|----------------------------------|--|--------------------|
|                                  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>   |
| Chi phí cho nhân viên            | 235.130.902                              | 341.762.825        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 3.059.596                                | -                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 76.263.756                               | 171.765.910        |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3.000.000                                | 14.359.294         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 462.680.953                              | 33.130.000         |
| Các chi phí khác                 | -  | 106.108.548        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>780.135.207</b>                       | <b>667.126.577</b> |

**6. Chi phí khác**

|                                   | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|-----------------------------------|--|------------------|
|                                   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| Tiền phạt chậm nộp, truy thu thuế | 28.910.608                               | 286.812          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>28.910.608</b>                        | <b>286.812</b>   |

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****a. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi**

|  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|--|--|------------------|
|  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 2.927.978.030                            | (621.785.088)    |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | -  | 286.812          |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | -  | 286.812          |
| <i>- Các khoản thuế bị phạt, truy thu</i>  | -  | 286.812          |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | -  | -                |
| Thu nhập chịu thuế   | 2.927.978.030                            | (621.498.276)    |
| Thu nhập tính thuế   | 2.927.978.030                            | -                |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 10%                                      | 10%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>585.595.606</b>                       | <b>-</b>         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>               | <b>(292.797.803)</b>                     | <b>-</b>         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>  | <b>(146.398.902)</b>                     | <b>-</b>         |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>146.398.902</b>                       | <b>-</b>         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi**

|  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                   |
|--|--|-------------------|
|  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>  |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 41.162.037                               | 847.594.702       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 28.910.608                               | (621.785.088)     |
| Các khoản điều chỉnh tăng  |  |                   |
| <i>Các khoản thuế bị phạt, truy thu</i>  | 28.910.608                               | -                 |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | -  | -                 |
| <i>Bù trừ thu nhập được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế</i>                   | -  | (621.785.088)     |
| Thu nhập chịu thuế   | 70.072.645                               | 225.809.614       |
| Thu nhập tính thuế   | 70.072.645                               | 225.809.614       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                                      | 20%               |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>14.014.529</b>                        | <b>45.161.923</b> |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>38.143.000</b>                        | <b>-</b>          |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>52.157.529</b>                        | <b>45.161.923</b> |

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|----------------------------------|--|----------------------|
|                                  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.059.596                                | 5.580.000.350        |
| Chi phí nhân công                | 235.130.902                              | 366.762.825          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 319.241.688                              | 319.241.689          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 656.898.118                              | 65.153.459           |
| Chi phí khác                     | -  | 390.342.761          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.214.330.304</b>                     | <b>6.721.501.084</b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|   | <b>Năm nay</b>     |
|---|--------------------|
| Thu nhập từ tiền lương của Ban Lãnh đạo |                    |
| Ông Lê Văn Đức                          | 55.368.000         |
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng                    | 44.744.400         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>100.112.400</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên ban lãnh đạo.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch trong năm với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                | <b>Mối quan hệ</b> |
|-------------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần HongHa Pharma       | Công ty liên kết   |
| Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco     | Công ty liên kết   |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b>  |
|---|----------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu   |                |                   |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i>   | 9.288.680.000  | 8.068.862.400     |
| <i>Thu tiền bán hàng</i>  | 2.550.000.000  | 22.867.303.080    |
| <i>Góp vốn bằng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông Nghiệp Hồng Hà</i> | -              | 14.000.000.000    |
| <i>Nhận cổ tức bằng cổ phiếu</i>  | -              | 3.975.000 Cổ phần |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

**2. Thông tin về bộ phận****a, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

**Công ty có các hoạt động kinh doanh chính sau:**

Hoạt động sản xuất chế biến;

Hoạt động thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | <b>Lĩnh vực thương mại</b> | <b>Lĩnh vực sản xuất</b> | <b>Cộng</b>           |
|---|----------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Năm nay</b>  |                            |                          |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 50.428.636.400             | 3.982.228.560            | 54.410.864.960        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>50.428.636.400</b>      | <b>3.982.228.560</b>     | <b>54.410.864.960</b> |
| Chi phí sản xuất kinh doanh theo bộ phận  | (46.212.337.280)           | (4.329.408.963)          | (50.541.746.243)      |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.216.299.120              | (347.180.403)            | 3.869.118.717         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                            |                          | (780.135.207)         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                            |                          | 3.088.983.510         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                            |                          | 70.072.645            |
| Chi phí tài chính   |                            |                          | (161.005.480)         |
| Chi phí khác  |                            |                          | (28.910.608)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                            |                          | (198.556.431)         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                            |                          | <b>2.770.583.636</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                            |                          | <b>27.536.364</b>     |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   |                            |                          | <b>430.898.776</b>    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | <b>Lĩnh vực<br/>thương mại</b> | <b>Lĩnh vực sản<br/>xuất</b> | <b>Cộng</b>            |
|--|--------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                                |                              |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 31.256.316.905                 | 10.267.234.021               | 41.523.550.926         |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                                |                              | 168.831.351.920        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                                |                              | <b>210.354.902.846</b> |
| <br>                                   |                                |                              |                        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 10.212.769.000                 |                              | 10.212.769.000         |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        |                                |                              | 8.414.272.554          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                                |                              | <b>18.627.041.554</b>  |

#### **b, Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong năm chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### **a, Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **b, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                               |                                 |                   |                       |
| Vay và nợ               | 7.100.000.000                 | -                               | -                 | 7.100.000.000         |
| Phải trả người bán      | 3.112.769.000                 | -                               | -                 | 3.112.769.000         |
| Các khoản phải trả khác | 7.975.343                     | -                               | -                 | 7.975.343             |
| <b>Cộng</b>             | <b>10.220.744.343</b>         | <b>-</b>                        | <b>-</b>          | <b>10.220.744.343</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                   |                       |
| Phải trả người bán      | 4.156.737.683                 | -                               | -                 | 4.156.737.683         |
| <b>Cộng</b>             | <b>4.156.737.683</b>          | <b>-</b>                        | <b>-</b>          | <b>4.156.737.683</b>  |

**C. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

|  | <b>Giá trị sổ sách</b> |                        | <b>Giá trị hợp lý</b>  |                        |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|  | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
| <b>Tài sản tài chính</b>               |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản<br>trương đương tiền | 7.298.208.853          | 7.221.019.691          | 7.298.208.853          | 7.221.019.691          |
| Phải thu khách hàng                    | 21.404.236.830         | 21.125.796.365         | 21.404.236.830         | 21.125.796.365         |
| Các khoản phải thu<br>khác             | 4.007.272.727          | -                      | 4.007.272.727          | -                      |
| Tài sản tài chính sẵn<br>sàng để bán   | 158.000.000.000        | 158.000.000.000        | 158.000.000.000        | 158.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>190.709.718.410</b> | <b>186.346.816.056</b> | <b>190.709.718.410</b> | <b>186.346.816.056</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>           |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ                              | 7.100.000.000          | -                      | 7.100.000.000          | -                      |
| Phải trả người bán                     | 3.112.769.000          | 4.156.737.683          | 3.112.769.000          | 4.156.737.683          |
| Các khoản phải trả khác                | 7.975.343              | -                      | 7.975.343              | -                      |
| <b>Cộng</b>                            | <b>10.220.744.343</b>  | <b>4.156.737.683</b>   | <b>10.220.744.343</b>  | <b>4.156.737.683</b>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng chính phủ- Nhà khách La Thành, Số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Kim Lan

Hoàng Thị Kim Lan

Nguyễn Tuấn Dũng